

THU ĐĂNG PHÍ THÁNG 01/2026 THU 70%
(Lương cơ bản : 2340 000đ từ tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	HS	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 1 T	1% lương	70% của 1% lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Thị Dịu	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	71,089		
2	Trần Thị Ngời	4.68	10 951 200			0.20	468 000	11 419 200	114,192	79,934		
3	Nguyễn Thị Đào	4.89	11 442 600	10	1 144 260			12 586 860	125,869	88,108		
4	Vũ Thị Thúy	4.98	11 653 200	5	582 660	0.30	702 000	12 937 860	129,379	90,565		
5	Chu Thị Thảo	5.02	11 746 800			0.20	468 000	12 214 800	122,148	85,504		
6	Ngô Thị Tâm	4.98	11 653 200	5	582 660	0.20	468 000	12 703 860	127,039	88,927		
7	Vũ Thị Huế	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	82,228		
8	Lê Thị Anh Đào	3.66	8 564 400					8 564 400	85,644	59,951		
9	Phạm Thị Thương	3.66	8 564 400					8 564 400	85,644	59,951		
10	Lưu Thị Minh Hương	5.36	12 542 400			0.40	936 000	13 478 400	134,784	94,349		
11	Hoàng Thị Huyền	5.36	12 542 400			0.30	702 000	13 244 400	132,444	92,711		
12	Ngô Mỹ Hương	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	82,228		
13	Nguyễn Thị Hoa	3.99	9 336 600					9 336 600	93,366	65,356		
14	Trần Thị Khánh Hằng	5.36	12 542 400			0.15	351 000	12 893 400	128,934	90,254		
15	Nguyễn Thị Lan Hương	2.34	5 475 600					5 475 600	54,756	38,329		
16	Nguyễn Thị Trang	3.66	8 564 400			0.15	351 000	8 915 400	89,154	62,408		
17	Nguyễn Văn Tân	3.26	7 628 400					7 628 400	76,284	53,399		
18	Vũ Thị Thanh Loan	4.65	10 881 000			0.20	468 000	11 349 000	113,490	79,443		
19	Đặng Thị Lan Anh	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	71,089		
20	Đoàn Thùy Trang	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	71,089		
21	Phạm Thị Duyên	4.00	9 360 000					9 360 000	93,600	65,520		
22	Vũ Thị Quỳnh Trang	3.66	8 564 400			0.20	468 000	9 032 400	90,324	63,227		
23	Trần Thị Huyền	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	82,228		
24	Đỗ Thị Thanh Thảo	3.26	7 628 400			0.20	468 000	8 096 400	80,964	56,675		
	Cộng	104.85	245 349 000	20	2 309 580	2.50	5 850 000	253 508 580	2 535 086	1 774 560		

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương

THU ĐĂNG PHÍ THÁNG 2/2026 THU 50%

(Lương cơ bản : 2340 000đ từ tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	HS	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 1 T	1% lương	1% lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Thị Dịu	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	50,778		
2	Trần Thị Ngời	4.68	10 951 200			0.20	468 000	11 419 200	114,192	57,096		
3	Nguyễn Thị Đào	4.89	11 442 600	10	1 144 260			12 586 860	125,869	62,934		
4	Vũ Thị Thúy	4.98	11 653 200	5	582 660	0.30	702 000	12 937 860	129,379	64,689		
5	Chu Thị Thảo	5.02	11 746 800			0.20	468 000	12 214 800	122,148	61,074		
6	Ngô Thị Tâm	4.98	11 653 200	5	582 660	0.20	468 000	12 703 860	127,039	63,519		
7	Vũ Thị Huế	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	58,734		
8	Lê Thị Anh Đào	3.66	8 564 400					8 564 400	85,644	42,822		
9	Phạm Thị Thương	3.66	8 564 400					8 564 400	85,644	42,822		
10	Lưu Thị Minh Hương	5.36	12 542 400			0.40	936 000	13 478 400	134,784	67,392		
11	Hoàng Thị Huyền	5.36	12 542 400			0.30	702 000	13 244 400	132,444	66,222		
12	Ngô Mỹ Hương	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	58,734		
13	Nguyễn Thị Hoa	3.99	9 336 600					9 336 600	93,366	46,683		
14	Trần Thị Khánh Hằng	5.36	12 542 400			0.15	351 000	12 893 400	128,934	64,467		
15	Nguyễn Thị Lan Hương	2.34	5 475 600					5 475 600	54,756	27,378		
16	Nguyễn Thị Trang	3.66	8 564 400			0.15	351 000	8 915 400	89,154	44,577		
17	Nguyễn Văn Tân	3.26	7 628 400					7 628 400	76,284	38,142		
18	Vũ Thị Thanh Loan	4.65	10 881 000			0.20	468 000	11 349 000	113,490	56,745		
19	Đặng Thị Lan Anh	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	50,778		
20	Đoàn Thùy Trang	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	50,778		
21	Phạm Thị Duyên	4.00	9 360 000					9 360 000	93,600	46,800		
22	Vũ Thị Quỳnh Trang	3.66	8 564 400			0.20	468 000	9 032 400	90,324	45,162		
23	Trần Thị Huyền	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	58,734		
24	Đỗ Thị Thanh Thảo	3.26	7 628 400			0.20	468 000	8 096 400	80,964	40,482		
	Cộng	104.85	245 349 000	20	2 309 580	2.50	5 850 000	253 508 580	2 535 086	1 267 543		

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương

THU ĐĂNG PHÍ THÁNG 3/2026 THU 50%
(Lương cơ bản : 2340 000đ từ tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	HS	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 1 T	1% lương	50% của 1% lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Thị Dịu	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	50,778		
2	Trần Thị Ngời	4.68	10 951 200			0.20	468 000	11 419 200	114,192	57,096		
3	Nguyễn Thị Đào	4.89	11 442 600	10	1 144 260			12 586 860	125,869	62,934		
4	Vũ Thị Thúy	4.98	11 653 200	5	582 660	0.30	702 000	12 937 860	129,379	64,689		
5	Chu Thị Thảo	5.02	11 746 800			0.20	468 000	12 214 800	122,148	61,074		
6	Ngô Thị Tâm	4.98	11 653 200	5	582 660	0.20	468 000	12 703 860	127,039	63,519		
7	Vũ Thị Huế	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	58,734		
8	Lê Thị Anh Đào	3.66	8 564 400					8 564 400	85,644	42,822		
9	Phạm Thị Thương	3.66	8 564 400					8 564 400	85,644	42,822		
10	Lưu Thị Minh Hương	5.36	12 542 400			0.40	936 000	13 478 400	134,784	67,392		
11	Hoàng Thị Huyền	5.36	12 542 400			0.30	702 000	13 244 400	132,444	66,222		
12	Ngô Mỹ Hương	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	58,734		
13	Nguyễn Thị Hoa	3.99	9 336 600					9 336 600	93,366	46,683		
14	Trần Thị Khánh Hằng	5.36	12 542 400			0.15	351 000	12 893 400	128,934	64,467		
15	Nguyễn Thị Lan Hương	2.34	5 475 600					5 475 600	54,756	27,378		
16	Nguyễn Thị Trang	3.66	8 564 400			0.15	351 000	8 915 400	89,154	44,577		
17	Nguyễn Văn Tân	3.26	7 628 400					7 628 400	76,284	38,142		
18	Vũ Thị Thanh Loan	4.65	10 881 000			0.20	468 000	11 349 000	113,490	56,745		
19	Đặng Thị Lan Anh	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	50,778		
20	Đoàn Thùy Trang	4.34	10 155 600					10 155 600	101,556	50,778		
21	Phạm Thị Duyên	4.00	9 360 000					9 360 000	93,600	46,800		
22	Vũ Thị Quỳnh Trang	3.66	8 564 400			0.20	468 000	9 032 400	90,324	45,162		
23	Trần Thị Huyền	5.02	11 746 800					11 746 800	117,468	58,734		
24	Đỗ Thị Thanh Thảo	3.26	7 628 400			0.20	468 000	8 096 400	80,964	40,482		
	Cộng	104.85	245 349 000	20	2 309 580	2.50	5 850 000	253 508 580	2 535 086	1 267 543		

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương

THU ĐĂNG PHÍ THÁNG 4/2026 THU 50%
(Lương cơ bản : 2340 000đ từ tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	HS	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 1 T	1% lương	50% của 1% lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Thị Dịu	4.34	10,155,600				-	10,155,600	101,556	50,778		
2	Trần Thị Ngời	5.02	11,746,800			0.20	468,000	12,214,800	122,148	61,074		
3	Nguyễn Thị Đào	4.89	11,442,600	11	1,258,686		-	12,701,286	127,013	63,506		
4	Vũ Thị Thúy	4.98	11,653,200	6	699,192	0.30	702,000	13,054,392	130,544	65,272		
5	Chu Thị Thảo	5.02	11,746,800		-	0.20	468,000	12,214,800	122,148	61,074		
6	Ngô Thị Tâm	4.98	11,653,200	6	699,192	0.20	468,000	12,820,392	128,204	64,102		
7	Vũ Thị Huế	5.02	11,746,800		-		-	11,746,800	117,468	58,734		
8	Lê Thị Anh Đào	3.99	9,336,600		-		-	9,336,600	93,366	46,683		
9	Phạm Thị Thương	3.66	8,564,400		-		-	8,564,400	85,644	42,822		
10	Lưu Thị Minh Hương	5.36	12,542,400		-	0.40	936,000	13,478,400	134,784	67,392		
11	Hoàng Thị Huyền	5.7	13,338,000		-	0.30	702,000	14,040,000	140,400	70,200		
12	Ngô Mỹ Hương	5.36	12,542,400		-		-	12,542,400	125,424	62,712		
13	Nguyễn Thị Hoa	3.99	9,336,600		-		-	9,336,600	93,366	46,683		
14	Trần Thị Khánh Hằng	5.7	13,338,000		-	0.15	351,000	13,689,000	136,890	68,445		
15	Nguyễn Thị Lan Hương	2.34	5,475,600		-		-	5,475,600	54,756	27,378		
16	Nguyễn Thị Trang	3.66	8,564,400		-		-	8,564,400	85,644	42,822		
17	Nguyễn Văn Tân	3.26	7,628,400		-		-	7,628,400	76,284	38,142		
18	Vũ Thị Thanh Loan	4.65	10,881,000		-	0.20	468,000	11,349,000	113,490	56,745		
19	Đặng Thị Lan Anh	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	50,778		
20	Đoàn Thùy Trang	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	50,778		
21	Phạm Thị Duyên	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	50,778		
22	Vũ Thị Quỳnh Trang	3.66	8,564,400		-	0.20	468,000	9,032,400	90,324	45,162		
23	Trần Thị Huyền	5.02	11,746,800		-		-	11,746,800	117,468	58,734		
24	Đỗ Thị Thanh Thảo	3.26	7,628,400		-	0.20	468,000	8,096,400	80,964	40,482		
	Cộng	107	250,099,200	23	2,657,070	2	5,499,000	258,255,270	2,582,553	1,291,276		

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương

THU ĐĂNG PHÍ THÁNG 5/2026 THU 50%
(Lương cơ bản : 2340 000đ từ tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	HS	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 1 T	1% lương	50% của 1% lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Thị Dịu	4.34	10,155,600				-	10,155,600	101,556	50,778		
2	Trần Thị Ngời	5.02	11,746,800			0.20	468,000	12,214,800	122,148	61,074		
3	Nguyễn Thị Đào	4.89	11,442,600	11	1,258,686		-	12,701,286	127,013	63,506		
4	Vũ Thị Thúy	4.98	11,653,200	6	699,192	0.30	702,000	13,054,392	130,544	65,272		
5	Chu Thị Thảo	5.02	11,746,800		-	0.20	468,000	12,214,800	122,148	61,074		
6	Ngô Thị Tâm	4.98	11,653,200	6	699,192	0.20	468,000	12,820,392	128,204	64,102		
7	Vũ Thị Huế	5.02	11,746,800		-		-	11,746,800	117,468	58,734		
8	Lê Thị Anh Đào	3.99	9,336,600		-		-	9,336,600	93,366	46,683		
9	Phạm Thị Thương	3.66	8,564,400		-		-	8,564,400	85,644	42,822		
10	Lưu Thị Minh Hương	5.36	12,542,400		-	0.40	936,000	13,478,400	134,784	67,392		
11	Hoàng Thị Huyền	5.7	13,338,000		-	0.30	702,000	14,040,000	140,400	70,200		
12	Ngô Mỹ Hương	5.36	12,542,400		-		-	12,542,400	125,424	62,712		
13	Nguyễn Thị Hoa	3.99	9,336,600		-		-	9,336,600	93,366	46,683		
14	Trần Thị Khánh Hằng	5.7	13,338,000		-	0.15	351,000	13,689,000	136,890	68,445		
15	Nguyễn Thị Lan Hương	2.34	5,475,600		-		-	5,475,600	54,756	27,378		
16	Nguyễn Thị Trang	3.66	8,564,400		-		-	8,564,400	85,644	42,822		
17	Nguyễn Văn Tân	3.26	7,628,400		-		-	7,628,400	76,284	38,142		
18	Vũ Thị Thanh Loan	4.65	10,881,000		-	0.20	468,000	11,349,000	113,490	56,745		
19	Đặng Thị Lan Anh	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	50,778		
20	Đoàn Thùy Trang	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	50,778		
21	Phạm Thị Duyên	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	50,778		
22	Vũ Thị Quỳnh Trang	3.66	8,564,400		-	0.20	468,000	9,032,400	90,324	45,162		
23	Trần Thị Huyền	5.02	11,746,800		-		-	11,746,800	117,468	58,734		
24	Đỗ Thị Thanh Thảo	3.26	7,628,400		-	0.20	468,000	8,096,400	80,964	40,482		
	Cộng	107	250,099,200	23	2,657,070	2	5,499,000	258,255,270	2,582,553	1,291,276		

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương

THU ĐĂNG PHÍ THÁNG 6/2026 THU 30%
(Lương cơ bản : 2340 000đ từ tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	HS	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 1 T	1% lương	30% của 1% lương	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Thị Dịu	4.34	10,155,600					10,155,600	101,556	30,467		
2	Trần Thị Ngòi	5.02	11,746,800			0.20	468,000	12,214,800	122,148	36,644		
3	Nguyễn Thị Đào	4.89	11,442,600	11	1,258,686		-	12,701,286	127,013	38,104		
4	Vũ Thị Thúy	4.98	11,653,200	6	699,192	0.30	702,000	13,054,392	130,544	39,163		
5	Chu Thị Thảo	5.02	11,746,800		-	0.20	468,000	12,214,800	122,148	36,644		
6	Ngô Thị Tâm	4.98	11,653,200	6	699,192	0.20	468,000	12,820,392	128,204	38,461		
7	Vũ Thị Huế	5.02	11,746,800		-		-	11,746,800	117,468	35,240		
8	Lê Thị Anh Đào	3.99	9,336,600		-		-	9,336,600	93,366	28,010		
9	Phạm Thị Thương	3.66	8,564,400		-		-	8,564,400	85,644	25,693		
10	Lưu Thị Minh Hương	5.36	12,542,400		-	0.40	936,000	13,478,400	134,784	40,435		
11	Hoàng Thị Huyền	5.7	13,338,000		-	0.30	702,000	14,040,000	140,400	42,120		
12	Ngô Mỹ Hương	5.36	12,542,400		-		-	12,542,400	125,424	37,627		
13	Nguyễn Thị Hoa	3.99	9,336,600		-		-	9,336,600	93,366	28,010		
14	Trần Thị Khánh Hằng	5.7	13,338,000		-	0.15	351,000	13,689,000	136,890	41,067		
15	Nguyễn Thị Lan Hương	2.34	5,475,600		-		-	5,475,600	54,756	16,427		
16	Nguyễn Thị Trang	3.66	8,564,400		-		-	8,564,400	85,644	25,693		
17	Nguyễn Văn Tân	3.26	7,628,400		-		-	7,628,400	76,284	22,885		
18	Vũ Thị Thanh Loan	4.65	10,881,000		-	0.20	468,000	11,349,000	113,490	34,047		
19	Đặng Thị Lan Anh	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	30,467		
20	Đoàn Thùy Trang	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	30,467		
21	Phạm Thị Duyên	4.34	10,155,600		-		-	10,155,600	101,556	30,467		
22	Vũ Thị Quỳnh Trang	3.66	8,564,400		-	0.20	468,000	9,032,400	90,324	27,097		
23	Trần Thị Huyền	5.02	11,746,800		-		-	11,746,800	117,468	35,240		
24	Đỗ Thị Thanh Thảo	3.26	7,628,400		-	0.20	468,000	8,096,400	80,964	24,289		
	Cộng	107	250,099,200	23	2,657,070	2	5,499,000	258,255,270	2,582,553	774,766		

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương